

Số: KH1T-25/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(Tháng 9/2025)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật tháng 8/2025

+ **Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Trong tháng 8/2025, trên Biển Đông đã xuất hiện 02 cơn bão và 02 ATNĐ (Hình 1), trong đó 02 cơn bão và 01 ATNĐ giữa tháng 8/2025 ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta, cụ thể như sau:



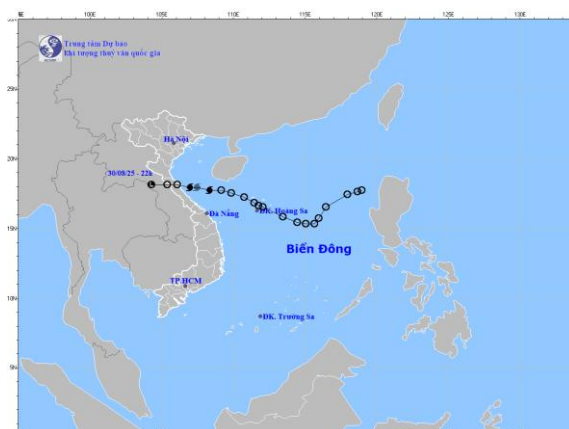
(a)



(b)



(c)



(d)

Hình 1: (a) và (b) Quỹ đạo của 02 ATNĐ trong tháng 8; (c) Quỹ đạo của cơn bão số 5 (KAJIKI); d) Quỹ đạo của cơn bão số 6 (NONGFA)

- **ATNĐ ngày 16/8:** Tối ngày 16/8 vùng áp thấp trên khu vực vùng biển phía Nam đặc khu Hoàng Sa đã mạnh lên thành ATNĐ và di chuyển theo hướng Tây Bắc. Hồi 19h ngày 18/8 ATNĐ đi vào khu vực phía Bắc Vịnh Bắc Bộ, cách

bờ biển các tỉnh Quảng Ninh-Hải Phòng khoảng 140km về phía Nam Đông Nam; sức gió mạnh nhất vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6-7, giật cấp 9 và di chuyển theo hướng Bắc Tây Bắc. Hồi 01 giờ ngày 19/8, ATNĐ đi vào vùng biển Quảng Ninh-Hải Phòng với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6, giật cấp 8; sau đó đã đi vào khu vực đất liền các tỉnh Quảng Ninh-Hải Phòng, rồi suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc (*Hình 1b*).

- **Bão số 5 (Kajiki):** Tối ngày 22/8, một áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) hoạt động trên khu vực phía Đông đảo Lu-Dông (Philippin) đi vào vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông. Sáng ngày 23/8, ATNĐ mạnh lên thành bão-con bão số 5 (tên quốc tế là Kajiki), cường độ mạnh cấp 8, giật cấp 10 với hướng và tốc độ di chuyển ít thay đổi. Sau khi mạnh lên thành bão, cường độ bão liên tục mạnh thêm. Chiều tối ngày 24/8, khi di chuyển đến khu vực phía Tây Bắc đặc khu Hoàng Sa cường độ bão tăng lên cấp 14, giật cấp 16 và tốc độ di chuyển chậm lại theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ 15-20km/h. Trưa ngày 25/8, bão di chuyển vào vùng biển ven bờ khu vực Nghệ An-Hà Tĩnh, cường độ bão giảm xuống cấp 13, giật cấp 15. Sau đó bão tiếp tục di chuyển chậm lại và lệch về phía Nam, cường độ bão giảm xuống cấp 11-12, giật cấp 14. Chiều tối ngày 25/8, bão số 5 đi vào đất liền khu vực Nam Nghệ An-Bắc Hà Tĩnh, cường độ bão giảm xuống cấp 10-11, giật cấp 13, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 10-15km/h (*Hình 1c*).

Do ảnh hưởng của bão số 5, ở trạm Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) có gió mạnh cấp 7, giật cấp 9; trạm Cô Tô (Quảng Ninh) có gió mạnh cấp 8, giật cấp 10; trạm Hòn Ngư (Nghệ An) có gió mạnh cấp 9, giật cấp 11. Vùng ven biển các tỉnh từ Quảng Ninh đến Thanh Hóa có gió mạnh cấp 6-8, giật cấp 9. Khu vực Nghệ An-Hà Tĩnh có gió mạnh cấp 8-10, giật cấp 12. Mưa lớn: Từ đêm 24/8 đến sáng ngày 27/8, khu vực Lào Cai, các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ, Thanh Hoá đến Bắc Quảng Trị có mưa to đến rất to với lượng mưa phổ biến 200-400mm, có nơi trên 500mm; khu vực Quảng Ninh và Lạng Sơn có mưa vừa, mưa to với lượng mưa phổ biến 100-150mm, có nơi trên 200mm.

- **Bão số 6 (NONGFA):** Sáng ngày 27/8, vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông đã mạnh lên thành áp thấp nhiệt đới. Lúc 10 giờ, vị trí tâm ATNĐ ở vào khoảng 17,7 độ Vĩ Bắc; 119,0 độ Kinh Đông. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6 (39- 49km/giờ), giật cấp

8. Di chuyển theo hướng Tây Tây Nam với tốc độ 10-15km/h. Từ 01 giờ ngày 29/8 ATNĐ đổi hướng di chuyển theo hướng Tây Bắc khoảng 15km/h. Sáng ngày 30/8, ATNĐ đã mạnh lên thành bão - Con bão số 6 (tên quốc tế là Nongfa) trên vùng biển phía Tây Bắc khu vực Bắc Biển Đông. Lúc 07 giờ, vị trí tâm bão ở vào khoảng 17,7 độ Vĩ Bắc; 108,4 độ Kinh Đông, trên khu vực biển Hà Tĩnh-Tp. Huế, cách khu vực phía Bắc Quảng Trị khoảng 210km về phía Đông. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8 (62-74km/giờ), giật cấp 10. Di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 20km/h. Chiều 30/8, sau khi đi vào đất liền khu vực Hà Tĩnh-Quảng Trị bão số 6 đã suy yếu thành ATNĐ. Sau đó, ATNĐ tiếp tục di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc sang địa phận Trung Lào và suy yếu dần thành một vùng áp thấp và tan dần (*Hình 1d*).

Do ảnh hưởng của bão số 6, ở đặc khu Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) có gió mạnh cấp 7, giật cấp 9; đặc khu Cô Tô (Quảng Ninh) có gió mạnh cấp 7, giật cấp 8; trạm Hòn Ngư (Nghệ An) có gió mạnh cấp 6, giật cấp 9, sóng cao 2,5m; đặc khu Cồn Cỏ (Quảng Trị) gió mạnh cấp 6, giật cấp 8; trạm Quỳnh Lưu (Nghệ An) có gió mạnh cấp 6, giật cấp 9; trạm Hoành Sơn (Hà Tĩnh) có gió mạnh cấp 6, giật cấp 7; trạm Nga Sơn (Thanh Hóa), trạm Vinh (Nghệ An), trạm Kỳ Anh (Hà Tĩnh) có gió giật cấp 7;... Ở các tỉnh từ Nghệ An-Đà Nẵng đã có mưa to, cục bộ có nơi mưa rất to trên 300mm...

+ ***Đông, lốc, sét***: Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận dông, lốc (*Bảng 1-Phụ lục*).

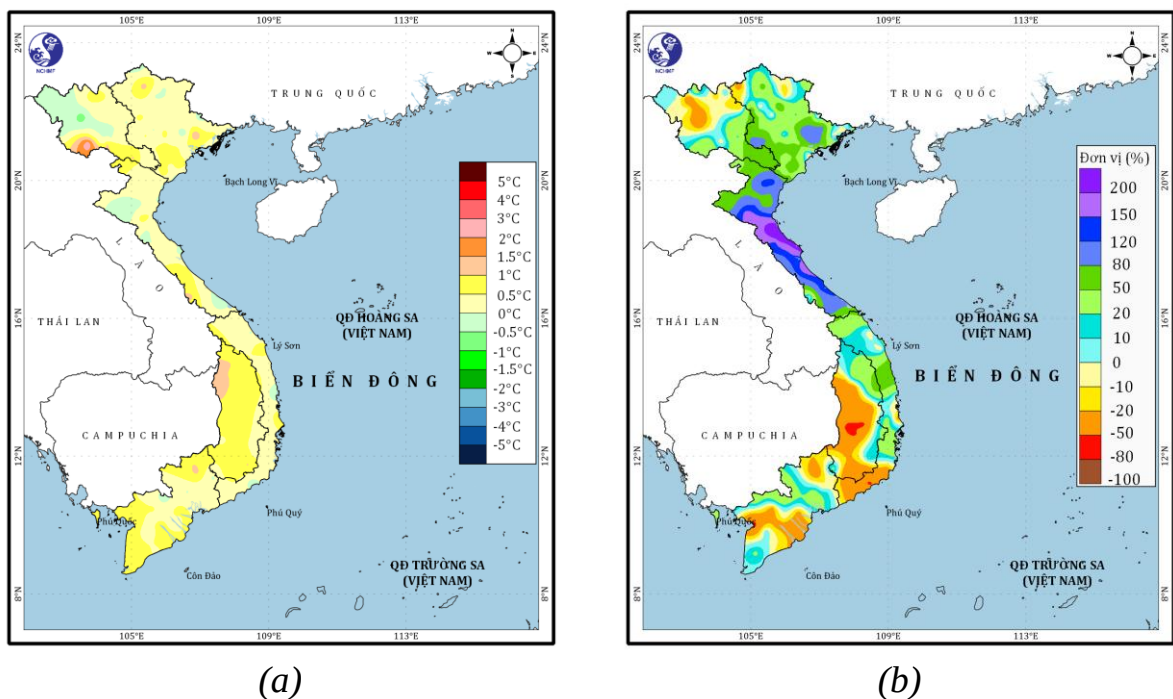
+ ***Mưa diện rộng***: Tháng 8/2025, tại các tỉnh Bắc Bộ xuất hiện nhiều ngày có mưa, trong đó có 04 đợt mưa lớn diện rộng vào các ngày: 31/7-01/8, 05-07/8, 15-19/8, 24-27/8, và ngày 29-31/8. Đáng lưu ý, đợt mưa từ ngày 24-27/8, do chịu ảnh hưởng của cơn bão số 5, nên tại Phú Thọ có mưa to, mưa rất to với tổng lượng từ 25-27/8 phổ biến 250-350mm.

Khu vực Thanh Hóa đến Huế có 03 đợt mưa lớn diện rộng: 15-18/8, 25-26/8 và ngày 30-31/8. Điển hình là đợt mưa ngày 25-26/8 do ảnh hưởng trực tiếp của bão số 5, với lượng mưa 2 ngày đạt 200-400mm, có nơi trên 500mm (Bái Thượng là 543mm) và trong đợt mưa này tại trạm Bái Thượng đã thiết lập lượng mưa ngày lớn nhất lịch sử: 338,0mm xảy ra ngày 25/8/2025 – giá trị mưa ngày lớn nhất là 261,7mm xảy ra vào cùng thời kỳ tháng 8/2019 và giá trị này cũng vượt cả GTLS lượng mưa năm lớn nhất đã xảy ra vào tháng 9/1994 là 293mm.

Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ xảy ra nhiều ngày mưa rào và dông, trong đó có ngày có mưa vừa, mưa to diện rộng.

Một số trạm ghi nhận được giá trị lượng mưa ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Bảng 2, Phụ lục*).

+ **Nắng nóng (NN):** Tháng 8/2025, tại khu vực Bắc Bộ đã xảy ra 02 đợt NN như sau: Từ ngày 02-05/8 và từ ngày 08-12/8. Các tỉnh từ Thanh Hóa đến Huế và duyên hải Nam Trung Bộ cũng xảy ra 02 đợt NN vào các ngày: Từ ngày 02-05/8 và từ ngày 08-14/8, riêng khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ nắng nóng diện rộng đã xảy ra và duy trì từ ngày 29/7-14/8. Nhiệt độ cao nhất ngày trong các đợt NN phổ biến từ 35,0-38,0⁰C, có nơi cao hơn; riêng đợt NN từ ngày 02-05/8 đã xảy ra NN gay gắt, đặc biệt vào các ngày từ 03-04/8 có nhiệt độ cao nhất phổ biến từ 38,0-40,0⁰C, có nơi trên 40,0⁰C độ như Láng (Hà Nội) là 40,3⁰C, Phủ Lý (Ninh Bình) là 40,2⁰C. Tại khu vực cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ, có một số ngày xuất hiện NN cục bộ với mức nhiệt độ cao nhất ngày từ 35,0-36,0⁰C. Đáng lưu ý, đợt NN từ ngày 02-05/8, nhiều nơi trên phạm vi toàn quốc đã xuất hiện giá trị nhiệt độ cao nhất ngày tương đương và vượt giá trị lịch sử cùng kỳ, cụ thể: Ở khu vực Bắc Bộ có 25 trạm, khu vực Trung Bộ có 03 trạm, khu vực Nam Bộ có 07 trạm (*Bảng 3, Phụ lục*).



Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 8/2025.

+ **Nhiệt độ trung bình (NĐTB):** NĐTB trên cả nước phổ biến cao hơn so

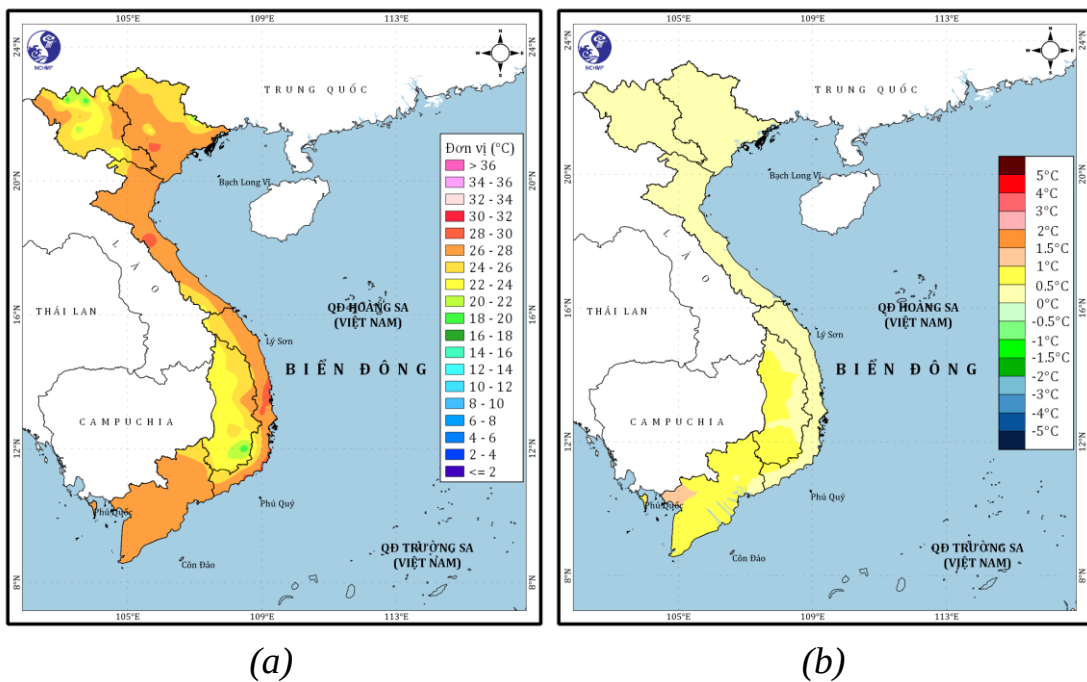
với TBNN cùng thời kỳ từ 0,5-1,0°C, có nơi cao hơn (Hình 2a).

+ **Lượng mưa:** TLM trên cả nước phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 20-50%, một số nơi ở Duyên hải Nam Trung Bộ thấp hơn từ 60-80%. Riêng một số nơi tại khu vực Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa-Huế phổ biến cao hơn từ 120-200%, có nơi cao hơn trên 250% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).

Một số trạm ghi nhận được giá trị tổng lượng mưa tháng giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (Bảng 3, Phụ lục).

2. Dự báo xu thế khí hậu thời kỳ tháng 9/2025

2.1. Dự báo xu thế nhiệt độ trong tháng 9/2025

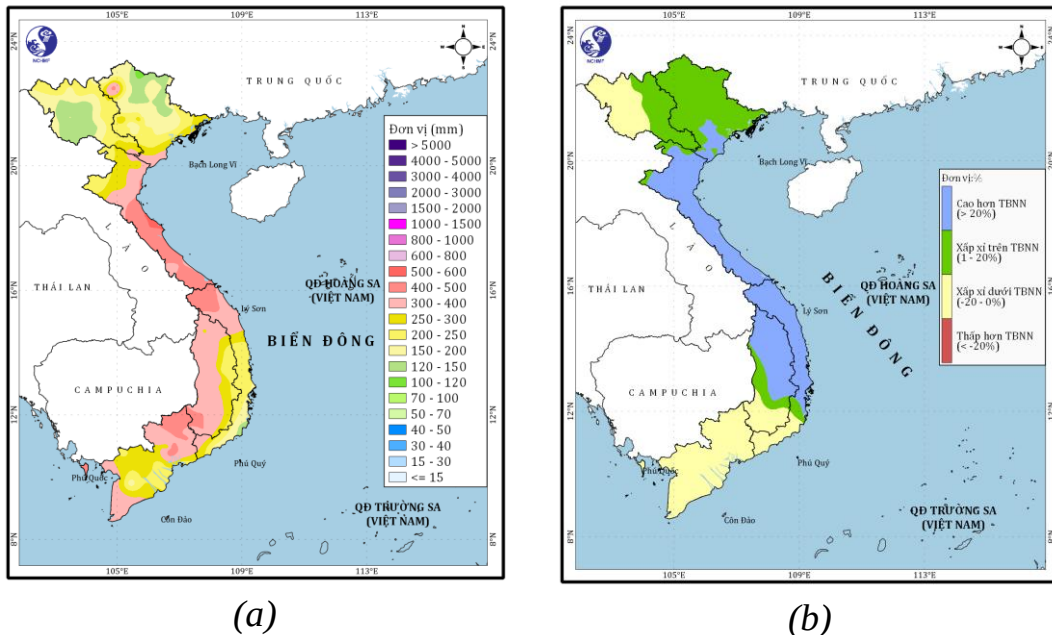


Hình 3: (a) Nhiệt độ TBNN (°C) tháng 9; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 9/2025

Trên phạm vi toàn quốc NĐTB phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, riêng khu vực Cao nguyên Trung Bộ-Nam Bộ NĐTB cao hơn khoảng 0,5-1,0°C so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa trong tháng 9/2025

Các khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, các tỉnh từ Thanh Hóa đến Gia Lai TLM phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-25%, các khu vực còn lại TLM ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 4b).



Hình 4: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN tháng 9; (b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 9/2025

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ **Bão và áp thấp nhiệt đới:** Trong thời kỳ dự báo, số lượng bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông ở mức tương đương so với TBNN cùng thời kỳ (TBNN: Trên Biển Đông là 2,4 cơn, đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 1,2 cơn) và có thể ảnh hưởng đến đất liền Việt Nam.

+ **Nắng nóng:** Có khả năng xuất hiện cục bộ tại khu vực từ Thanh Hóa đến Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ tập trung trong khoảng nửa đầu tháng 9/2025.

+ **Mưa diện rộng:** Khu vực Đồng bằng Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Quảng Ngãi có khả năng xuất hiện một số đợt mưa lớn diện rộng. Các nơi khác trên cả nước trong tháng nhiều ngày có mưa rào và dông; trong đó, một số ngày có thể xảy ra mưa vừa, mưa to.

+ Trên phạm vi cả nước, tiếp tục có khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Bão, ATNĐ và gió mùa Tây Nam gây ra gió mạnh, sóng lớn trên biển và ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Đặc biệt, đề phòng mưa lớn có thể gây ra lũ lụt, ngập úng ở các vùng trũng và sạt lở đất ở vùng núi. Các hiện tượng

mưa lớn và đông, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, lượng mưa tháng 9/2025

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng- Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/9		Thời kỳ 11-20/9		Thời kỳ 21-30/9		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	24,5-25,5	20-40	25,0-26,0	30-60	24,0-25,0	40-70	24,5-25,5	100-200
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	28,0-29,0	20-40	27,5-28,5	50-100	26,5-27,5	40-70	27,5-28,5	120-230
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	26,0-27,0	30-60	26,0-27,0	30-60	25,5-25,5	40-70	26,0-27,0	100-200
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	28,0-29,0	30-60	27,5-28,5	40-70	27,0-28,0	40-70	27,5-28,5	100-200
Hải Phòng-Tp, Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,5-28,5	40-70	27,5-28,5	50-100	26,5-27,5	50-100	27,5-28,5	140-270
Hà Đông-Tp, Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	28,0-29,0	40-70	27,5-28,5	50-100	27,0-28,0	50-100	27,5-28,5	140-270
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	28,5-29,5	50-100	28,5-29,5	100-150	26,5-27,5	100-200	28,0-29,0	250-450
Huế-Tp, Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	27,5-28,5	70-120	27,5-28,5	100-200	26,5-27,5	100-200	27,5-28,5	300-520
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	25,5-26,5	80-130	25,0-26,0	70-120	24,5-25,5	80-150	25,0-26,0	230-350
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	29,0-30,0	80-130	29,0-30,0	70-120	28,5-29,5	70-120	28,5-29,5	220-370
Nha Trang-Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	28,0-29,0	70-120	28,5-29,5	50-100	28,0-29,0	50-100	28,0-29,0	170-320
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	70-120	25,0-26,0	60-120	24,5-25,5	80-130	25,0-26,0	210-370
Nhà Bè-Tp, Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28,5-29,5	70-120	28,5-29,5	70-120	28,0-29,0	70-120	28,5-29,5	200-360
Cần Thơ-Tp, Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27,5-28,5	50-100	27,5-28,5	50-100	27,5-28,5	50-100	27,5-28,5	150-300

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);

- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);

- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);

- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),

- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới gồm:

1. Khu vực Tây Bắc Bộ: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (là tỉnh Hòa Bình cũ).
2. Khu vực Đông Bắc Bộ: Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ).
3. Khu vực Thanh Hóa-Huế;
4. Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ (Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng);
5. Khu vực Cao nguyên Trung Bộ: Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng;
6. Khu vực Nam Bộ.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11/9/2025

Tin phát ngày: 01/9/2025./.

Soát tin: Trịnh Thùy Nguyên

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Chúc

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ tháng 8/2025

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Dông, lốc	Nghệ An (xã Hữu Khuông, Quế Phong, Mường Quàng)	06/8/2025
Dông lốc	Thôn Bình Hải, Đàm Hà, Quảng Ninh	Tối 17/8/2025
Dông lốc	tỉnh Cao Bằng	Tối 18/8/2025
Dông lốc	Xã Quảng Tín, Lâm Đồng	Chiều 20/8/2025
Dông lốc	Các tỉnh Bắc Bộ, Trung Bộ	26/8/2025

Bảng 2: Lượng mưa ngày (mm) trong tháng 8/2025 vượt GTLS tháng 8

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 8	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Bắc Mê (Tuyên Quang)	105,5	1982	158,1	21/8/2025
2	Vũng Tàu (Tp. Hồ Chí Minh)	110,7	2024	139,5	21/8/2025
3	Hoàng Sa (Đà Nẵng)	77,0	2020	267,5	24/8/2025
4	Bái Thượng (Thanh Hóa)	261,7	2019	338,0	25/8/2025
5	Lạc Sơn (Phú Thọ)	171,9	1991	251,0	26/8/2025
6	Mình Đài (Phú Thọ)	238,9	1976	272,9	26/8/2025
7	Phú Hộ (Phú Thọ)	204,0	1976	214,8	26/8/2025
8	Ba Vì (Hà Nội)	258,7	1978	299,8	26/8/2025
9	Láng (Hà Nội)	205,7	1972	234,8	26/8/2025
10	Hoài Đức (Hà Nội)	196,5	2006	238,8	26/8/2025
11	Hà Đông (Hà Nội)	193,3	1994	249,7	26/8/2025
12	Cúc Phương (Ninh Bình)	175,4	2016	222,0	26/8/2025
13	Hồi Xuân (Thanh Hóa)	226,0	1995	232,0	26/8/2025

Bảng 3: Tổng lượng mưa tháng (mm) trong tháng 8/2025 vượt GTLS tháng 8

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	TLM tháng 8 lịch sử (mm)	Năm xuất hiện	TLM tháng 8/2025 (mm)
1	Mình Đài (Phú Thọ)	565,4	1975	588,3
2	Lục Ngạn (Bắc Ninh)	511,7	1975	517,1

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	TLM tháng 8 lịch sử (mm)	Năm xuất hiện	TLM tháng 8/2025 (mm)
3	Sơn Động (Bắc Ninh)	678,0	1995	678,6
4	Ba Vì (Hà Nội)	631,3	2020	656,5
5	Cúc Phương (Ninh Bình)	586,4	2010	639,2
6	Yên Định (Thanh Hóa)	613,5	1975	638,6
7	Sầm Sơn (Thanh Hóa)	576,7	2010	619,7
8	Quỳ Hợp (Nghệ An)	508,8	1970	602,8
9	Hòn Ngự (Nghệ An)	724,4	2010	750,1
10	Vinh (Nghệ An)	866,6	2010	923,3
11	Hương Sơn (Hà Tĩnh)	540,3	2006	717,0
12	Hà Tĩnh (Hà Tĩnh)	691,4	2010	801,8
13	Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	388,4	2016	735,7
14	Đồng Hới (Quảng Trị)	434,3	1987	480,6
15	Hoàng Sa (Đà Nẵng)	147,2	2020	371,4

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất ngày tháng 8/2025 tương đương và vượt GTLS trong tháng 8

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 8	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Mỹ Tho (Đồng Tháp)	35,3	2024	35,6	02/8/2025
2	Cò Nòi (Sơn La)	34,8	2019	35,5	03/8/2025
3	Hòa Bình (Phú Thọ)	39,1	2021	39,7	03/8/2025
4	Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	35,0	1990,2021,2022,2024	35,2	03/8/2025
5	Phước Long (Đồng Nai)	35,0	2024	35,0	03/8/2025
6	Biên Hòa (Đồng Nai)	36,5	2021	36,7	03/8/2025
7	Chi Nê (Phú Thọ)	39,3	2024	39,8	04/8/2025
8	Tuyên Quang (Tuyên Quang)	38,2	1990,2021	38,3	04/8/2025
9	Phú Hộ (Phú Thọ)	38,6	1990	38,8	04/8/2025
10	Vĩnh Yên (Phú Thọ)	39,0	2021	39,2	04/8/2025
11	Thất Khê (Lạng Sơn)	38,7	2016	38,7	04/8/2025
12	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	37,9	1992	38,0	04/8/2025
13	Uông Bí (Quảng Ninh)	37,3	2021	37,8	04/8/2025
14	Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	38,2	2021	39,0	04/8/2025

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 8	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
15	Lục Ngạn (Bắc Ninh)	38,4	2019	39,2	04/8/2025
16	Sơn Động (Bắc Ninh)	38,4	2021	39,2	04/8/2025
17	Ba Vì (Tp. Hà Nội)	39,0	2021,2024	39,5	04/8/2025
18	Sơn Tây (Tp. Hà Nội)	39,1	2021	39,8	04/8/2025
19	Láng (Tp. Hà Nội)	39,5	2021	40,3	04/8/2025
20	Hoài Đức (Tp. Hà Nội)	38,8	2019	39,0	04/8/2025
21	Hà Đông (Tp. Hà Nội)	39,6	2021	39,6	04/8/2025
22	Chí Linh (Tp. Hải Phòng)	38,6	2021	38,6	04/8/2025
23	Hải Dương (Tp. Hải Phòng)	38,5	2021	38,8	04/8/2025
24	Nam Định (Ninh Bình)	39,0	2024	39,5	04/8/2025
25	Phủ Lý (Ninh Bình)	38,5	2024	40,2	04/8/2025
26	Nho Quan (Ninh Bình)	39,3	2024	39,3	04/8/2025
27	Ninh Bình (Ninh Bình)	39,1	2024	39,5	04/8/2025
28	Thái Bình (Hưng Yên)	38,0	2024	38,0	04/8/2025
29	Thanh Hóa (Thanh Hóa)	38,5	2024	38,5	04/8/2025
30	Đắk Mil (Lâm Đồng)	31,1	2024	31,6	04/8/2025
31	Đồng Phú (Đồng Nai)	35,7	2020	35,7	04/8/2025
32	Tây Ninh (Tây Ninh)	36,0	2024	36,0	04/8/2025
33	Trị An (Đồng Nai)	35,3	2023	35,4	04/8/2025
34	Vĩnh Long (Vĩnh Long)	35,3	2024	35,3	04/8/2025
35	Lắc (Đắk Lắk)	34,5	2014	34,6	05/8/2025
36	Trường Sa (Khánh Hòa)	33,9	2010,2024	34,2	07/8/2025
37	Sông Mã (Sơn La)	37,6	1973	37,6	12/8/2025